TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐ-ST ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh ngày 03/9/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lục Văn V, sinh ngày 27/9/1988 (vắng mặt)

Thường trú: Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh V ở Việt Nam là: Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/10/1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh V được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục

của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2012 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga. Sau khi kết hôn chị về nhà anh V làm dâu và chung sống hòa thuận. Do anh, chị vẫn đang làm việc tại Liên bang Nga nên sau khi kết hôn anh, chị cùng sang Nga làm việc tiếp. Vợ chồng chung sống hòa thuận và có 02 con, mỗi lần sinh con chị đều về nước sinh con sau đó lại quay lại Nga làm việc. Con để cho bà nội chăm sóc từ nhỏ. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khi sau khi chị sinh cháu thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 3/2016 đến nay chị và anh V không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị về nước thăm gia đình và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lục Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là cháu Lục Thị Khánh H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Lục Phương N, sinh ngày 15/11/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh V và bà T (mẹ đẻ anh V). Do chị về nước thăm gia đình sau đó sẽ quay trở lại Nga làm việc nên sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh V về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lục Văn V là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V, chị H được tự do tìm hiểu khi còn đang làm việc tại Liên bang Nga rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga. Sau khi kết hôn chị H về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do anh, chị quen nhau từ khi còn làm việc tại Liên bang Nga nên sau khi kết hôn anh, chị cùng sang Nga làm việc. Anh, chị chung sống hòa thuận và có 02 con, mỗi lần sinh con chị H đều về nước sinh con sau đó lại quay lại Nga làm việc. Cháu H, cháu N để ở Việt Nam cho bà chăm sóc. Anh, chị chung sống hòa thuận đến khi sau khi chị H sinh cháu thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau khi mâu thuẫn anh, chị mỗi người sống một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh V nói là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng không được.

Về con chung của anh V, chị H: anh, chị có 02 con chung là cháu Lục Thị Khánh H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Lục Phương N, sinh ngày 15/11/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bà và anh V. Do các cháu ở với bà từ nhỏ, mặc dù đi lao động nước ngoài nhưng anh V, chị H vẫn gửi tiền về cho bà để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu

cho anh V trong thời gian anh V đi lao động tại nước ngoài, cho đến khi anh V về nước sinh sống. Bà xác định đây là quyền cũng như nghĩa vụ của bà với các cháu, nên bà không đề nghị anh V, chị H phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Bà đồng ý với yêu cầu của chị H về giao hai con chung là cháu H và cháu N cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ngoài ra bà T cung cấp: Anh V thường xuyên gọi điện hỏi thăm gia đình, anh V hiện đang lao động tại Liên bang Nga, bà đã thông báo cho anh V biết việc chị H có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án. Tòa án yêu cầu anh V cung cấp địa chỉ nơi làm việc tại Liên Bang Nga và ý kiến bằng văn bản nhưng anh V cho biết: anh không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc cũng như ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trước khi đi lao động tại Liên bang Nga anh V sinh sống cùng bà tại Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Cháu Lục Thị Khánh H, Lục Phương N trình bày: Các cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố, bà nội và được bố, bà nội chăm sóc đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn được ở cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa, chị Phùng Thị H, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lục Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phùng Thị H; biên bản lấy lời khai của bà T là mẹ đẻ anh Lục Văn V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Lục Văn V là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

Xử cho chị Phùng Thị H được ly hôn anh Lục Văn V.

Về con chung: Do anh V hiện nay đang đi lao động ở nước ngoài, chị H về thăm gia đình, sau đó sẽ quay trở lại Nga làm việc nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lục Thị Khánh H, Lục Phương N cho anh Lục Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cháu Huyền và cháu Nga cho bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh V) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh V về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn anh V và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Anh V là bị đơn hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tại Công văn số: 10426/QLXNC-P5 ngày 08/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Lục Văn V, sinh ngày 27/9/1988 đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 07/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh V được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh V là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[2.1] Về việc vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Phùng Thị H, bà Nguyễn Thị T đều xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, bà T.

[2.2] Về việc vắng mặt bị đơn anh Lục Văn V: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh V, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh V trước khi xuất cảnh lần gần nhất là Số nhà 18, ngõ 2, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh V thông qua người thân (bà T mẹ anh V) và đề nghị bà T thông báo cho anh V biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phùng Thị H và bị đơn là anh Lục Văn V. Bà Thu cho biết anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Lục Văn V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2012 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lục Văn V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh V chung sống hòa thuận đến khi sinh cháu thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục về chung sống nhưng không được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân một thời gian dài. Hiện nay cả hai đang ở nước ngoài, chị H không có địa chỉ của anh V ở nước ngoài, không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Anh V không gửi ý kiến cho Tòa án, nhưng bà Thu là mẹ đẻ anh V cung cấp thể hiện anh V có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh V, xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế hiện nay, phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H, anh V có 02 con chung là cháu Lục Thị Khánh H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Lục Phương N, sinh ngày 15/11/2015. Hiện đang sinh sống cùng bà nội (bà Thu mẹ anh V). Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh V về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị H, anh V đi lao động nước ngoài đến nay Cháu H, cháu N vẫn do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Chị H có về Việt Nam nghỉ phép nhưng sau đó sẽ tiếp tục trở lại Liên bang Nga để lao động nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Cháu H, cháu N trên 07 tuổi đều có nguyện vọng được ở với bố, bà nội. Mặc dù anh V hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng bà T (là mẹ đẻ anh V) đồng ý nuôi cháu H và cháu N giúp anh V cho đến khi anh V về nước sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao Cháu H, cháu N cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao Cháu H, cháu N cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi anh V về nước sinh sống là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của Cháu H, cháu N, cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Phùng Thị H về nước có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo bán án:

[8.1] Chị Phùng Thị H, bà Nguyễn Thị T đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Lục Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị H được ly hôn anh Lục Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lục Thị Khánh H, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Lục Phương N, sinh ngày 15/11/2015 cho anh Lục Văn V nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Lục Thị Khánh H, cháu Lục Phương N cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Lục Văn V về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000047 ngày 04/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phùng Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phùng Thị H, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Lục Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền